

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/09/2024

Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng

Ông Lê Văn Bút

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 198/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị L**, sinh ngày 07/08/1982; Căn cước công dân số: 049182004060; cấp ngày 27/12/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: Thôn B, xã R, huyện Đ, tỉnh L (*có mặt*).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn T2**, sinh ngày 08/05/1981; Chứng minh nhân dân số: 201396766; Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, thành phố Đ (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2024; bản tự khai ghi ngày 12/7/2024 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Lê Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn T2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đ vào ngày 08/8/2005, số đăng ký: 56; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sau khi kết hôn thì về sống tại thôn M, xã H, huyện H, thành phố Đ. Vợ chồng chung sống tại địa chỉ nêu trên một thời gian đến năm 2009 chuyển vào cùng sinh sống tại xã R, huyện Đ, tỉnh L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, ông T2 nhậu nhẹt, cá độ, khi say xỉn nhiều lần đánh đập, chửi bới vợ, tính cách ông T2 bảo thủ, gia trưởng. Mâu thuẫn

vợ chồng đã được gia đình nhà bà L khuyên can nhưng ông T2 không thay đổi. Mâu thuẫn trầm trọng khiến ông T2 về lại Đà Nẵng sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay và không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà Lê Thị L xác định không còn tình cảm thương yêu ông Nguyễn T2, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn T2.

- *Về con chung*: Bà Lê Thị L xác định bà và ông Nguyễn T2 có 02 (hai) người con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 18/02/2006 và Nguyễn Hoàng Thành T1, sinh ngày 22/08/2008.

Ly hôn, bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Hoàng Thành T1 và không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Nguyễn Thị Thanh T đã trưởng thành nên bà L không đề cập giải quyết. Tại phiên tòa hôm nay, bà L xác định đối với con Nguyễn Hoàng Thành T1 hiện đang do ông T2 trực tiếp nuôi dưỡng, bà không muốn tranh chấp về con chung nên bà đồng ý giao con Thành Thiện cho ông T2 trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà L xác định bà và ông T2 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà L xác định bà và ông T2 không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng ông bà.

* *Bị đơn là ông Nguyễn T2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến, văn bản phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị L đối với bị đơn là ông Nguyễn T2 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Nguyễn T2.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Nguyễn Hoàng Thành T1, sinh ngày 22/08/2008 cho ông Nguyễn T2 trực tiếp nuôi dưỡng, bà Lê Thị L không cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con Nguyễn Thị Thanh T đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định bà và ông T2 không có nên không đề cập giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bà Lê Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn là bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn T2 có địa chỉ tại thôn M, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn là ông Nguyễn T2 vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là ông Nguyễn T2.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn T2 có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng vào ngày 08/8/2005, số đăng ký: 56; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà L và ông T2 sau khi kết hôn cùng chung sống tại thôn M, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 2009 thì bà L và ông T2 chuyển vào sinh sống tại xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà L xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, ông T2 nhậu nhẹt, cá độ, khi say xỉn nhiều lần đánh đập, chửi bới vợ, tính cách ông T2 bảo thủ, gia trưởng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình nhà bà L khuyên can nhưng ông T2 không thay đổi. Mâu thuẫn trầm trọng khiến ông T2 về lại Đà Nẵng sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay và không ai còn quan tâm đến ai. Để ổn định cuộc sống, bà Lê Thị L đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn T2.

Xét thấy: Mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi cả vợ và chồng cùng có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng gia đình hạnh phúc và cùng thương yêu nhau. Theo biên bản xác minh tại nơi ông T2 cư trú thể hiện bà L và ông T2 không còn chung sống với nhau, phù hợp với lời trình bày của bà L. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần, tạo điều kiện để vợ chồng ông bà trở về đoàn tụ; Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T2 tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông T2 đều vắng mặt, điều này thể hiện sự không mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình của ông T2. Do đó, nguyện vọng yêu cầu được ly hôn để không ràng buộc bởi quan hệ pháp lý của bà Lê Thị L là chính đáng và có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Nguyễn T2 không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà L nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[4] Về con chung:

[4.1] Bà Lê Thị L xác định bà và ông Nguyễn T2 có 02 (hai) người con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 18/02/2006 và Nguyễn Hoàng Thành

T1, sinh ngày 22/08/2008. Ly hôn, bà L có nguyện vọng giao con chung là Nguyễn Hoàng T2 Thiện cho ông T2 trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cha mẹ đều phải có trách nhiệm và nghĩa vụ trong việc nuôi dạy con cái. Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện kinh tế của cả bà L và ông T2 cũng như nguyện vọng của con là được ở với ai. Tại phiên tòa hôm nay, bà L có nguyện vọng giao con chung Nguyễn Hoàng Thành T1, sinh ngày 22/08/2008 cho ông T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, ông T2 nuôi con Thành Thiện từ nhỏ đến nay, ông T2 có công việc ổn định, hiện vẫn đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Thành T1 hiện đã đủ 16 tuổi và đang học lớp 11 nên cần tiếp tục ổn định cuộc sống và học tập, tránh ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao con chung là Nguyễn Hoàng Thành T1 cho ông Nguyễn T2 trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà L không cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con Nguyễn Thị Thanh T đã trưởng thành nên bà L không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Lê Thị L xác định bà và ông Nguyễn T2 không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Lê Thị L xác định bà và ông Nguyễn T2 không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng ông bà nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về Án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, buộc bà Lê Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị L về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” đối với bị đơn là ông Nguyễn T2.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Nguyễn T2.

2. Về con chung:

+ Giao con Nguyễn Hoàng Thành T1, sinh ngày 22/08/2008 cho ông Nguyễn T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lê Thị L không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

+ Đối với con Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 18/02/2006 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị L xác định bà và ông Nguyễn T2 không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0002183 ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn là ông Nguyễn T2 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa P, huyện H, thành phố Đ;
- (*Giấy CNKH số 56 ngày 08/8/xx*);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đức Thiện